

## LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

### QUYỂN 67

#### Phân Nhiếp Quyết Trạch Địa Huệ Do Tu Tạo Thành

Như vậy là đã thuyết minh về phần Quyết trạch của địa Huệ do Tư tạo thành. Phần Quyết trạch của địa Huệ do Tư tạo thành nay sẽ nói. Nên biết lược có mười sáu thứ tu. Đó là:

1. Tu Tác ý tương ứng của thừa Thanh văn.
2. Tu Tác ý tương ứng của Đại thừa.
3. Tu ảnh tượng.
4. Tu sự biên tế.
5. Tu chỗ Tạo tác đã thành tựu.
6. Tu đắc.
7. Tu Tập.
8. Tu trừ bỏ.
9. Tu đối trị.
10. Tu thiếu phần.
11. Tu biến hành.
12. Tu động chuyển.
13. Tu có gia hạnh.
14. Tu đã thành tựu đầy đủ.
15. Tu pháp không do tu Tạo thành.
16. Tu pháp do tu Tạo thành.

- Thế nào là tu Tác ý tương ứng của thừa Thanh văn? Nghĩa là như có một hữu tình là Thanh văn, trụ nơi Tánh của pháp Thanh văn, hoặc chưa chứng nhập chánh Tánh lý sanh, hoặc đã chứng nhập chánh Tánh lý sanh, không quán về sự tạo lợi ích cho kẻ khác, chỉ quán về sự Tạo lợi ích cho mình, do môn Tác ý của đế an lập, nội quán chân như, duyên

nơi pháp có lượng có phân biệt làm cảnh vì nhằm dứt hết tham ái, do chán lìa dục nên Tác ý tu Tập hành tướng giải thoát. Đó gọi là tu Tác ý tương ứng của thừa Thanh văn.

- Thế nào là tu Tác ý tương ứng của Đại thừa? Nghĩa là như có một hành giả là Bồ tát, trụ nơi Tánh của pháp Bồ tát, hoặc chưa chứng nhập chánh tánh ly sanh, hoặc đã chứng nhập chánh tánh ly sanh, quán xét các sự lợi ích của tự ta, do môn Tác ý của đế an lập, phi an lập, nội quán chân như, duyên nơi pháp vô lượng không phân biệt làm cảnh, sức đại bi Tăng thượng vì nhằm dứt trừ hết tham ái hiện có của tự tha, do thấu nhận các sự lợi ích của hữu tình, nên tạo phương tiện hành tướng cùng do nhân duyên hướng đến nẻo đạo vô thượng, nên Tác ý tu Tập hành tướng. Đó gọi là tu Tác ý tương ứng của Đại thừa.

- Thế nào là tu ảnh tượng? Nghĩa là hoặc đối với phẩm Tỳ-bát-xá-na có phân biệt, với ảnh tượng đã hiện hành của Tam-ma-địa, Tác ý tư duy nơi đồng phận của sự đã nhận biết. Hoặc đối với phẩm Xa-ma-tha không phân biệt, với ảnh tượng đã hiện hành của Tam-ma-địa, Tác ý tư duy nơi đồng phận của sự đã nhận biết. Các pháp tu hiện có ấy gọi là tu ảnh tượng.

- Thế nào là tu sự biên tế? Nghĩa là đối với các pháp quá khứ vị lai hiện tại, trong ngoài thô tế, thấp kém, thấp diệu, xa gần, tác ý tư duy. Hoặc đối với chân như tác ý tư duy. Như thế, hoặc tận cùng tánh hiện có, hoặc như tánh hiện có, nên các thứ tu hiện có ấy gọi là tu sự biên tế.

- Thế nào là tu chỗ tạo tác đã thành tựu? Nghĩa là đã chứng nhập Tĩnh lực căn bản hoặc các Đăng chí, hoặc định thế gian, định xuất thế gian, các thứ tu hiện có ấy gọi là tu chỗ tạo tác đã thành tựu.

- Thế nào là tu đắc? Nghĩa là như có một hữu tình dựa vào Tĩnh lực thứ nhất, hoặc tu tướng vô thường, cho đến hoặc tu tướng chết, các tướng khác hiện có kia không hiện tiền. Hoặc tự địa thấu tóm, hoặc thấu tóm nơi địa dưới, cùng chỗ dẫn khởi các công đức khác. Hoặc là thế gian hoặc là xuất thế gian, đều có thể tu tập chúng, khiến thanh tịnh Tăng thượng, đạt được tự tại thành tựu. Đó gọi là tu đắc.

- Thế nào là tu tập? Nghĩa là như có một hữu tình đối với các thứ tướng thiện như vô thường v.v... Tác ý tư duy. Hoặc đối với pháp thiện do thường xuyên tu nên đều hiện tu tập. Đó gọi là tu tập.

- Thế nào là tu trừ bỏ? Nghĩa là như có một hữu tình do ảnh tượng đã hiện hành của Tam-ma-địa, Tác ý các tướng, như dùng vật này để kéo vật kia ra, theo phương tiện trừ bỏ, dứt các tướng của tự Tánh. Lại

như có một hữu tình dùng miếng nêm nhỏ kia để loại bỏ vật nêm thô. Hành giả như thế dùng thân khinh an để loại bỏ thân thô trọng, phần còn lại như trước đã nói. Đó gọi là tu trừ bỏ.

- Thế nào là tu đối trị? Nghĩa là nơi đối trị bằng chán bỏ, hoặc đối trị bằng đoạn trừ, hoặc đối trị bằng nắm giữ, hoặc đối trị phần xa, tác ý tư duy về các thứ tu hiện có, đó gọi là tu đối trị.

Ở đây, đối trị bằng chán bỏ nghĩa là tác ý được dẫn phát nơi Tất cả đạo thiện của thế gian, ngoại trừ các vô lượng cùng hành giả thân thông diệu dụng khác.

Đối trị bằng đoạn trừ: Là tác ý duyên nơi chân như làm cảnh.

Đối trị bằng nắm giữ: Là đạo thế gian xuất thế gian hậu đắc ấy, hoặc đạo giải thoát.

Đối trị phần xa: Nghĩa là phiền não đoạn trừ rồi, nơi đạo đối trị lại tu tập nhiều, hoặc tu tập nhiều đạo của địa trên.

Lại có sai biệt: Tức là đạo văn tư tu gọi là đối trị bằng chán bỏ. Đạo xuất thế gian gọi là đối trị bằng đoạn trừ. Quả ấy chuyển y gọi là đối trị bằng nắm giữ. Đạo tu thế gian gọi là đối trị phần xa.

- Thế nào là tu thiếu phần? Nghĩa là đối với tướng vô thường v.v... tùy một pháp thiện tác ý tư duy về các thứ tu hiện có, đó gọi là tu thiếu phần.

- Thế nào là tu biến hành? Tức đối với các pháp chân như một vị, Tác ý tư duy về các thứ tu hiện có, đó gọi là tu biến hành.

- Thế nào là tu động chuyển? Nghĩa là lúc đối với tu phương tiện của tu vô tướng, thường xuyên có tướng gián cách mà tu. Đó gọi là tu động chuyển.

- Thế nào là tu có gia hạnh? Tức vào lúc tu phương tiện kia, do có gia hạnh cùng gián cách mà tu, đó gọi là tu có gia hạnh.

- Thế nào là tu thành tựu trọn vẹn? Nghĩa là hoặc thừa Thanh văn, hoặc thừa Độc giác, hoặc lại là Đại thừa, đã được tất cả chuyển y hiện có, cùng đạt được Tất cả các pháp tự tại. Các thứ tu hiện có ấy gọi là tu thành tựu trọn vẹn.

- Thế nào là tu pháp không do tu tạo thành? Nghĩa là tu pháp thiện hiện có như các pháp thí, giới của địa bất định. Đó gọi là tu pháp không do tu tạo thành.

- Thế nào là tu pháp do tu tạo thành? Là tu các pháp thiện của địa định. Đó gọi là tu pháp do tu tạo thành. Ở trong địa này, văn quyết trạch còn lại không đề cập đến nữa.

## Phân Nhiếp Quyết Trạch.

### Địa Thanh văn.

#### *Đoạn 1:*

Như thế là đã nói về phần Quyết trạch của địa huệ do tu tạo thành. Phần Quyết trạch của địa Thanh văn nay sẽ nói.

Như nơi phần Bản địa đã nói, Bồ-đặc-già-la trụ nơi không chủng Tánh, đó gọi là pháp hoàn toàn không có Bát-niết-bàn. Ở đây, hoặc có Tâm sanh nghi ngờ.

Thế nào là có pháp hoàn toàn không Bát-niết-bàn? Nên chỉ dạy kẻ kia: “Chỗ mong muốn của ông là gì? Các loài hữu tình với đủ thứ loại giới Tánh, giới Tánh vô lượng, giới Tánh thấp kém, giới Tánh thắng diệu, là có chẳng, là không chẳng?”

Nếu nói là có thì không có Bồ-đặc-già-la rốt ráo không có pháp Bát-niết-bàn, là không hợp đạo lý. Nếu nói là không, thì như kinh nói các loài hữu tình có vô số giới Tánh, cho đến giới Tánh thắng diệu, nên không hợp đạo lý!”

Chỉ dạy như thế rồi, lại có vấn nạn: Như loài hữu tình tuy có vô số giới Tánh, cho đến giới Tánh thắng diệu, nhưng không có hữu tình không căn. Như thế, pháp không Bát-niết-bàn do đâu không như vậy? Hoặc nên nhận là có hữu tình không căn, nên cất vấn kẻ kia: Ý của ông muốn gì? Những người không căn là hữu tình hay là không phải hữu tình? Nếu là hữu tình, thì vật bên ngoài không căn cũng phải là hữu tình, như thế là không hợp đạo lý.

Nếu không phải là hữu tình, mà nói vì sao không chấp nhận có hữu tình không căn, là không hợp đạo lý.

Cật vấn như thế rồi, lại có vấn nạn: Như làm Sát-đế-lợi rồi, hoặc có lúc làm Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la, như thế cho đến làm Thủ-đà-la rồi, hoặc có lúc thậm chí làm Sát-đế-lợi.

Lại làm Na-lạc-ca xong, hoặc có lúc cho đến làm chư Thiên. Làm chư Thiên xong, cho đến có lúc lại làm Na-lạc-ca. Như thế do đâu không tạo pháp không Bát-niết-bàn rồi, hoặc có khi lại tạo pháp có Bát-niết-bàn chẳng? Nên cất vấn kẻ kia: Ý muốn của ông là gì? Các người Sát-đế-lợi cho đến Thủ-đà-la, cùng Na-lạc-ca cho đến chư Thiên, vì có tất cả Giới chẳng? Vì chỉ riêng có một Giới chẳng?

Nếu có tất cả Giới, thì dù không tương tự, là không hợp đạo lý. Nếu chỉ riêng có một Giới, thì trước là Sát-đế-lợi, hoặc nơi một lúc cho đến làm Thủ-đà-la, trước là Na-lạc-ca, hoặc vào một lúc cho đến làm chư Thiên, là không hợp đạo lý.

Cật vấn như vậy rồi, lại có vấn nạn: Như hàng Sát-đế-lợi cùng có đủ tất cả Giới. Như thế, pháp không Bát-niết-bàn do đâu không có Giới của pháp Bát-niết-bàn? Nên cật vấn kẻ kia: Ông mong muốn điều gì? Giới của các pháp không có Bát-niết-bàn. Giới của các pháp có Bát-niết-bàn, hai Giới này là cùng trái nhau chăng? Là không trái nhau chăng? Nếu cùng trái nhau mà nói pháp không Bát-niết-bàn do đâu không có Giới của pháp Bát-niết-bàn, là không hợp đạo lý. Nếu không trái nhau, tức Bồ-đặc-già-la này là pháp không có Bát-niết-bàn, cũng là pháp có Bát-niết-bàn, là không hợp đạo lý.

Cật vấn như vậy rồi, lại có vấn nạn: Như hiện thấy có một địa phương, nơi một thời gian không có chủng tánh của vàng, hoặc nơi một thời gian có chủng tánh của vàng. Nơi một thời gian không có chủng tánh của mặt ni, chân châu, lưu ly, hoặc nơi một thời gian có chủng tánh của các vật kia. Nơi một thời gian không có chủng tánh của muối, hoặc nơi một thời gian có chủng Tánh của vật ấy. Nơi một thời gian không có chủng tánh của vô số tướng giới. Hoặc nơi một thời gian có chủng tánh của pháp kia.

Như thế, trước là chủng tánh của pháp không có Bát-niết-bàn. Do đâu không ở nơi một thời gian thành chủng tánh của pháp có Bát-niết-bàn chăng? Nên cật vấn kẻ kia: Ông mong muốn điều gì? Như nơi phương sở của đất kia, trước không có chủng tánh này, sau có chủng tánh ấy, hoặc trước có chủng tánh ấy, sau không có chủng tánh này.

Như thế, trước có chủng tánh Thanh văn định, sau không có chủng tánh ấy. Cho đến trước có chủng tánh Đại thừa định, sau không có chủng tánh ấy. Hoặc trước không có chủng tánh định, sau có chủng tánh định chăng?

Nếu nói như thế là thuận với thiện căn cấu phần giải thoát, nên không, không có quả.

Lại nếu như thế, là lập chủng tánh định, tức không hợp đạo lý. Nếu không như thế, thì ông nói pháp không có Bát-niết-bàn, trước trụ nơi không chủng tánh rồi, sau trụ nơi có chủng tánh, như có phương sở của đất. Pháp có Bát-niết-bàn, trước trụ nơi có chủng tánh xong, sau trụ nơi không chủng tánh, như phương sở của đất là không hợp đạo lý.

Lại nên vấn nạn kẻ kia: Điều mong muốn của ông là gì? Pháp không Bát-niết-bàn là Giới thấp kém. An trụ trong Giới thấp kém như thế, là nơi đời này chuyển thành pháp Bát-niết-bàn hay là nơi đời sau? Nếu nói tức nơi đời này, thì ý ông thế nào, kẻ kia được gặp Phật Pháp Tăng rồi, ở trong hiện pháp là có thể khởi thiện căn thuận với phần

giải thoát chẳng? Hay là không thể dấy khởi? Nếu nói có thể, thì kẻ kia được gặp Phật Pháp Tăng rồi, ở trong hiện pháp có thể khởi thiện căn thuận với phần giải thoát mà nói không có pháp Bát-niết-bàn là không hợp đạo lý.

Nếu cho là không thể, thì kẻ kia gặp được Tam bảo rồi, ở trong hiện pháp không thể khởi thiện căn thuận với phần giải thoát, mà nói chuyển thành pháp Bát-niết-bàn là không hợp đạo lý.

Hoặc nói đời sau mới thành pháp Bát-niết-bàn, thì ý ông thế nào? Kẻ kia vì trước đã tích tập thiện căn nên ở trong đời sau được gặp Tam bảo, có thể khởi thiện căn thuận với phần giải thoát chẳng? Hay là trước không tích tập thiện căn?

Nếu nói trước đã tích tập thiện căn, thì kẻ kia tức ở trong đời này được gặp Phật Pháp Tăng, có thể khởi thiện căn, mà nói ở trong đời sau mới thành pháp Bát-niết-bàn là không hợp đạo lý. Lại như nhân kia nên không, không quả. Nếu nói trước không tích tập thiện căn, thế thì trước sau giống nhau, đều chưa tích tập thiện căn, mà nói ở trong đời sau mới thành pháp Bát-niết-bàn, không phải tức trong đời này, là không hợp lý.

Lại nữa, lược có mười thứ Thanh văn. Đó là:

1. Thanh văn của cõi thanh tịnh.
2. Thanh văn đã gặp duyên.
3. Thanh văn sanh trong cõi tạp nhiễm.
4. Thanh văn sanh trong cõi thanh tịnh.
5. Thanh văn sanh trong thời mạt pháp.
6. Thanh văn sanh trong thời hiện thiện.
7. Thanh văn chưa được nhãn.
8. Thanh văn đã được nhãn.
9. Thanh văn được nhãn thanh tịnh.
10. Thanh văn được nhãn hết sức thanh tịnh.

Nếu có Thanh văn an trụ nơi chủng Tánh, đó là Thanh văn thứ nhất. Đã hội nhập pháp, đó gọi là Thanh văn thứ hai. Hoặc có Thanh văn đã sanh nơi thế giới có nhiều thứ khổ phải nhận chịu, có đủ năm thứ ô trược tức thọ mạng ô trược cho đến hữu tình ô trược. Đó gọi là Thanh văn sanh trong cõi Tạp nhiễm (3). Cùng trái nhau với loại trên, nên biết tức là Thanh văn sanh trong cõi thanh tịnh (4).

Thanh văn sanh trong thời mạt pháp (5), làm sao có thể nhận biết về tướng? Nghĩa là các Thanh văn nơi đời vị lai, sanh vào thời mạt pháp, phần nhiều ái trọng về lợi dưỡng, về sự được cung kính, trái hẳn

với pháp diệu. Các thứ tham sân si cùng không phải Chánh pháp đều Tăng thịnh. Vì các thứ phiền não như keo kiệt, ganh ghét v.v... trói buộc, nhiễu loạn nơi Tâm. Xứ, nhà, lợi dưỡng, sự cung kính, tiếng khen, pháp, không gì là không đủ keo kiệt, dối, nịnh, giả trá, luôn hiện tiền. Nói rộng cho đến vì sinh sống mà cầu xuất gia, không phải vì Niết-bàn... Đối với Đức Phật Thế Tôn đã thuyết giảng các pháp thâm diệu, cùng với không tương ứng, thuận với duyên sanh, duyên khởi, duyên Tánh nơi các kinh điển hiện có, nhưng họ đều từ bỏ. Nơi các thứ độc tụng, ngâm vịnh được tạo ra do các kẻ thông tuệ của thế gian, ngôn từ bóng bẩy, văn chương lưu loát, thuận theo sách vở thế tục, thì họ cung kính thọ giữ, sanh khởi hoan hỷ sâu xa. Ở trong Chánh pháp tương tự không phải là Chánh pháp, vọng sanh tưởng pháp. Đối với Chánh pháp khởi tưởng phi pháp.

Lại, tức nơi sự yêu thích kia đã hiển bày, tuyên thuyết, mở dẫn, phủ bóng Chánh pháp cùng Tỳ-nại-da. Đối với các hữu tình thuyết giảng Chánh pháp cùng Tỳ-nại-da sanh khởi tưởng là kẻ oán đối. Phạm nhiều nơi Thi-la, hành Tập các pháp ác. Bên trong thật sự là hủ bại, bên ngoài hiện vẻ hiền thiện, nói rộng cho đến thật không phải là bậc phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh. Hai thiên trọng tội vô dư hữu dư hãy còn đầy khởi, nên tư hiện hành hủy phạm, hưởng chi là tội vừa, nhẹ. Đã hủy phạm rồi, phần nhiều không như pháp phát lồ đối trị. Hoặc do kẻ khác biết mà hành phát lồ, không phải là ý lạc thật sự... Bấy giờ, các đệ tử Thanh văn như thế, thân hoại mạng chung, phần nhiều bị đọa vào nẻo ác, sanh nơi Na-lạc-ca. Nếu có Thanh-văn thành tựu pháp không nhiễm ô, trái hẳn với các thứ trên, nên biết đó gọi là Thanh-văn sanh trong thời hiền thiện.

Nếu các Thanh-văn phạm phu thì gọi là Thanh-văn chưa được nhãn. Thanh-văn chung các quả Dự-lưu, Nhất-lai, Bất-hoàn, gọi là Thanh-văn đã được nhãn.

Bậc A-la-hán huệ giải thoát gọi là Thanh-văn được nhãn thanh tịnh.

Nếu bậc A-la-hán câu phần giải thoát gồm đủ ba minh gọi là Thanh-văn đạt được nhãn hết sức thanh tịnh.

Lại nữa, hoặc có Thanh-văn, tuy như chỗ ứng hợp luôn dưng mãnh tinh tấn, nhưng ở trong hiện pháp không thể chứng đắc pháp thù thắng hơn người.

Hoặc có Thanh-văn ở trong hiện pháp có lực dụng nên có thể chứng đắc pháp thù thắng hơn người, nhưng đối với quả Sa-môn do

phóng dạt nên không thể chứng đắc.

Lại nữa, nên giải thích về các câu có sai biệt của pháp thiện đủ giới, đủ đức hòa nhã trong kinh Nguyệt Dụ. Nghĩa là trong Thanh văn lược có bốn thứ pháp tịnh diệu khiến các hữu tình nếu được trông thấy, do thân ngữ ý sanh vô lượng phước. Những gì là bốn? Đó là:

- Trụ đầy đủ nơi Giới, giữ luật nghi biệt giải thoát, nói rộng như nơi kinh. Đó gọi là pháp thứ nhất.

- Lại hành thiếu dục, tri túc, nói rộng cho đến các lậu vĩnh viễn dứt hết, tán dương tác chứng. Đó gọi là pháp thứ hai.

- Lại luôn hòa nhã, dịu dàng, dễ có thể cùng trụ, không nào hại bậc có trí đồng phạm hạnh, khiến các Bí-sô vui thích cùng ở, lại thành tựu đầy đủ bốn thứ chứng định. Đó là pháp thứ ba.

- Lại không tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính, thường xét đối với kẻ khác, che giấu điều thiện của mình, phát lộ chỗ xấu ác của tự thân, tuy thật sự có vô số công đức nhưng không muốn cầu khiến kẻ khác biết là có (tức muốn khiến kẻ khác biết ta thành tựu công đức như thế). Đó là pháp thứ bốn.

Lại nữa, hoặc có Thanh-văn muốn đi đến nhà người khác, trước hết nên đoạn trừ ba thứ tùy phiền não, sau đó mới đi đến. Những gì là ba?

1. Tùy phiền não kết nhà bạn thân.
2. Tùy phiền não keo kiệt về nhà cửa.
3. Tùy phiền não do Tâm có nhiễm mà hành pháp thí.

Ở đây, Thanh văn do sáu thứ tướng nên đoạn trừ tùy phiền não kết nhà bạn thân rồi mới đi tới nhà người khác: Nghĩa là tùy lúc đi đến, không nên đi tới luôn. Đối với sự vật đáng yêu thích, nếu không như lý mà chấp giữ lấy tướng, vừa sanh tham ái tức liền xấu hổ. Không dùng ngôn ngữ hung bạo, ba hoa, hành xử tà vạy để tìm cầu các thứ như y phục v.v..., khéo tự giữ gìn, khéo che giấu tự thân. Không dùng thân tiếp xúc chỗ không nên tiếp xúc, cũng không ngồi nơi chốn không nên ngồi. Trọn không ăn ở chỗ không nên ăn. Cũng trọn không uống ở nơi không nên uống. Lại không nên thọ nhận chỗ không nên thọ nhận. Lại do tùy thuận Tâm xa lìa, hưởng đến Tâm xa lìa, gần gũi Tâm xa lìa, Tâm tư các thiện, cũng như núi cao khó đi tới chốn. Không phải là nhà có niềm tin thanh tịnh, có thể khiến họ được niềm tin thanh tịnh, như ao suối trong mát đã từng lợi qua. Các nhà đã có niềm tin thanh tịnh thì khiến càng thêm Tăng trưởng.

Lại do sáu tướng, nên đoạn trừ tùy phiền não keo kiệt về nhà cửa,



rồi mới đi đến nhà người khác.

Nghĩa là đi tới nhà người khác, đối với sự việc của hữu tình không nhiệm không vướng. Như sự việc của hữu tình, sự việc đối với lợi dưỡng, sự việc đối với cung kính, nên biết cũng thế. Lại, đối với điều không lợi thì không sanh ưu khổ. Như đối với điều không lợi, thì đối với điều không cung kính, nên biết cũng vậy.

Lại, ở trong các thứ lợi dưỡng của tự tha, Tâm luôn bình đẳng. Đối với việc mình có được lợi dưỡng, sự cung kính, không tự khen ngợi, đề cao. Đối với kẻ khác có được các thứ ấy, trọn không chê bai, hủy báng.

Lại do sáu tướng nên đoạn trừ tùy phiền não là Tâm có nhiệm mà hành pháp thí, rồi mới đi đến nhà người khác. Nghĩa là không trông mong kẻ khác đối với mình có sự tin tưởng thanh tịnh. Lại, đối với pháp xuất ly, nhận biết rõ như thật. Lại, nơi trụ xứ của kẻ khác nên khởi ba thứ ý lạc thuần thiện, đó là: Dẫn phát an lạc nên trừ dứt khổ. Cung kính nghe nhận pháp, theo pháp hành, đạt được lợi ích thù thắng. Nơi những kẻ bị các khổ như sanh gây khổ não thì khiến họ thoát khổ. Nếu đã giải thoát, tức đối với pháp Tánh diệu thiện của các pháp làm duyên, trong Chánh pháp của thế gian thuộc về ba Tạng Kinh, Luật, Luận. Vì khiến họ thọ trì đọc tụng, khiến cho Chánh pháp trụ lâu, thế nên tuyên thuyết.

Nên biết, tùy phiền não thứ nhất được đoạn trừ, nên trụ nơi không Tạp loạn, dùng làm cứu cánh. Tùy phiền não thứ hai được đoạn trừ, nên thọ dụng chính đáng các thứ của cải, dùng làm cứu cánh. Tùy phiền não thứ ba được đoạn trừ là thọ dụng đúng đắn Chánh pháp, dùng làm cứu cánh.

Lại nữa, nên giải thích kinh Phật-Tha-Ca.

Như có Thanh văn muốn đối với pháp nhiệm tịnh Tọa phương tiện thiện xảo, lược ở nơi ba xứ nên nhận biết rõ khắp.

Nghĩa là ở trong chỗ dựa tạp nhiễm, thanh tịnh, do chỗ dựa tạp nhiễm, thanh tịnh, nên ở trong tạp nhiễm do tạp nhiễm, ở trong thanh tịnh do thanh tịnh.

- Thế nào là chỗ dựa tạp nhiễm, thanh tịnh? Đó là, tức nơi thân này có sắc thô trọng, nói rộng như nơi kinh. Đây là kẻ ngu không có trí huệ, hưởng đến vô minh: là chỗ dựa tạp nhiễm. Cũng là bậc thông sáng có trí huệ lớn hưởng đến nơi minh, là chỗ dựa thanh tịnh.

- Thế nào là Tạp nhiễm? Nghĩa là các kẻ ngu, vì muốn Tọa Tác nghiệp tịnh, bất tịnh, nên trước suy xét rồi, sau mới dùng thân ngữ Tọa

nghiệp tịnh bất tịnh hiện có. Do nhân duyên ấy nên trong sự sanh tử của năm nẻo đã chiêu cảm tự thể đáng yêu không đáng yêu, khiến sanh khổ não không khổ não.

- Thế nào là thanh tịnh? Nghĩa là trong hai thứ phẩm học thanh tịnh là hết sức thù thắng. Học thứ nhất là Trí chân như dùng làm chỗ dựa, có thể có chỗ Tạo Tác. Học thứ hai là do phiền não đều được ly hệ.

Lại nữa, tức nơi thanh tịnh này, lược do năm nhân để hiển bày chỉ rõ. Đó là:

1. Người nói đúng đắn.
2. Người hành đúng đắn.
3. Hành đúng đắn.
4. Tâm học Tăng thượng đối trị đoạn trừ tùy phiền não.
5. Huệ học Tăng thượng đối trị đoạn trừ tùy phiền não.

Ở đây, Như-lai là người thuyết giảng đúng đắn. Thanh-văn căn thực là người hành đúng đắn, cũng gọi là bậc thông tuệ.

Thuộc về đế trí gọi là hành đúng đắn. Căn cứ vào nghĩa có thể đoạn trừ phiền não là đối trị vô thượng, nên lược có năm pháp gọi là Tâm học Tăng thượng đối trị tùy phiền não:

1. Đối trị các thứ cái (ngăn che) hiện có của kẻ sống nơi xa lìa.
2. Đối trị các thứ phần não hiện có của kẻ không gắng nhận những điều chỉ dạy trao truyền.
3. Đối trị các thứ keo kiệt ganh ghét hiện có của kẻ đối với lợi dưỡng, sự cung kính tham vương sâu dày.
4. Đối trị kẻ trước đã tột dụng cảnh giới, phát khởi niệm tà vạy.
5. Đối trị kẻ thuận xả bỏ chỗ học, tham ái phân biệt.

Lược có ba pháp gọi là huệ học Tăng thượng, đối trị tùy phiền não:

1. Đối trị vô minh hiện có của kẻ đối với môn lý thế tục không hiểu rõ về nghĩa pháp.
2. Đối trị các thứ do dự hiện có, nghi hoặc chưa đoạn ở trong các đế của những phạm phu đã hiểu rõ nghĩa pháp.
3. Đối trị ngã mạn hiện có của các hàng hữu học đã thấy đế tích, do huệ đối trị thuộc về tu đạo.

Do đối với các thứ tùy phiền não như thế đã đoạn dứt vĩnh viễn, nên biết là đã chứng đắc quả A-la-hán của huệ học Tăng thượng, Tâm học Tăng thượng thanh tịnh tối thiện. A-la-hán này nên biết đó gọi là thanh tịnh tột cùng.

Lại nữa, đối với chỗ dựa thanh tịnh, Tạp nhiễm ấy, các chúng Thanh-văn lược do ba tướng nên nhận biết rõ khắp:

1. Do tự Tánh.
2. Do nhân duyên.
3. Do lỗi lầm, Tai họa.

- Do tự Tánh: Nghĩa là tự Tánh hiện có của thân người ấy do ba thứ tướng nên được hiển bày. Đó là:

1. Do có sắc nên hiển bày cộng tướng của tất cả thân còn lại.
2. Do thô trọng nên hiển bày tự tướng của thân đều riêng biệt.
3. Do không thanh tịnh nên hiển bày tướng không đồng phạm với thân của chư Thiên.

- Do nhân duyên: Lược có hai thứ:

1. Nhân duyên của cộng tướng nơi tất cả thân, tức là bốn đại chung.

2. Nhân duyên của thân người với tự tướng đều riêng khác.

Lại có hai thứ:

1. Nhân duyên chưa sanh khiến sanh. Đó là cha mẹ hòa hợp bất tịnh.

2. Nhân duyên đã sanh khiến trụ. Nghĩa là sự nuôi lớn của các thứ cơm cháo v.v...

- Do lỗi lầm Tai họa: Lại có hai thứ: Là Tánh vô thường cùng với Tánh khổ. Hoặc đối với lúc lạnh, vì đối trị khổ của lạnh, nên tìm cầu những thứ che ngăn dùng làm đối trị. Hoặc đối với lúc nóng, vì đối trị khổ của nóng, nên tìm cầu tắm gội dùng làm đối trị. Hành Tác đi đường có sự khó nhọc, vì để đối trị khổ nhọc ấy, nên tìm cầu xoa bóp dùng làm đối trị. Nên biết loại này gọi là Tánh khổ.

Dùng tay chân, đất đá, gây gộc xúc đối, là pháp hủy hoại. Pháp đoạn hoại của đao kiếm xúc đối. Hoặc qua đời rồi chôn cất nơi đất. Hoặc hỏa thiêu. Hoặc bị vô số bàng sanh, các loại trùng ăn nuốt, rúc rủa. Hoặc tức nơi thân kia bị các thứ gió mặt trời làm cho khô cứng. Đều là Tánh của pháp tan hoại, ma diệt. Nên biết loại này là Tánh vô thường. Xưa hợp nay trái gọi là ly tán. Tan rồi biến hoại, sau cùng đều hết, gọi là ma diệt.

Lại nữa, nhân nơi đối tượng duyên của tư. Như nói: Danh làm sáng tỏ tất cả, không có gì vượt hơn danh: Do danh này, nên một pháp đều tùy thuận hành tự tại. Lời này có nghĩa gì? Nghĩa là nếu lược nói, quán nhân thanh tịnh, quán tự tướng, quán nhân tạp nhiễm, cùng để hiển bày Bồ-đặc-già-la vô ngã và pháp vô ngã. Nếu nhận biết rõ khắp

về Bồ-đặc-già-la vô ngã nơi bốn uẩn vô sắc, tức có thể đoạn trừ tất cả tướng của tự cảnh giới, gọi là làm sáng tỏ tất cả. Nếu nhận biết rõ khắp về pháp vô ngã, với ngôn danh thế tục của tự Tánh Biến kế sở chấp, tức có thể dứt trừ tất cả tướng nương dựa kia, gọi là làm sáng tỏ tất cả. Nếu vượt quá các tướng ngã của bốn uẩn vô sắc thì sự việc ấy nhất định không thể đạt được.

Nếu vượt quá ngôn danh thế tục, nơi tướng của tự Tánh Biến kế sở chấp, thì sự việc ấy cũng không thể đạt được. Hoặc đối với hai thứ đều không nhận biết rõ, tức liền phát khởi tướng tạp nhiễm của tất cả cảnh, tùy chuyển nơi tạp nhiễm hiện có của tướng thuộc tất cả cảnh, không gì là không nhân nơi lực Tăng thượng này. Dựa vào mật ý ấy, nên Đức Bạc-già-phạm nói:

*“Chấp nơi tự Tánh pháp  
Chấp Tánh ngã mà chuyển  
Biết đây nên biết kia  
Do biết nên hoàn diệt”.*

Lại nữa, có bốn Thánh đế. Đức Thế Tôn vì các Thanh văn nên nói cảnh giới nơi đối tượng duyên của phiền não đã tịnh, nghĩa là Khổ đế v.v..., như trước đã nói.

Hỏi: Nếu tướng chân thật không điên đảo là tướng của đế, thì các ngoại đạo thấy các thắng giải tà vạy nơi các tà luận, không phải là chân thật, đều là điên đảo, vì sao đế gồm thâu? Nếu không gồm thâu thì chúng lẽ ra không chiêu cảm hữu sau của vị lai, nên không phải là nhân của Khổ?

- Đáp: Tuy không phải chân thật, cũng là điên đảo, nhưng nói là thuộc về hai đế Khổ, Tập. Vì sao? Vì chúng tuy đều là thuộc về Tánh tà, nhưng tướng của Tánh tà này là chân thật, đều không điên đảo, là Tánh khổ, là nhân khổ.

Lại nữa, do hai tướng nên hiển bày nghĩa vô thường:

1. Dựa nơi tướng của đạo lý Đại thừa.
2. Dựa nơi tướng của đạo lý thừa Thanh-văn.

Nghĩa là nghĩa không có và nghĩa có cùng diệt hoại.

Do hai thứ tướng nên hiển bày nghĩa Khổ:

1. Nghĩa Tập khí thô trọng của chấp không có.
2. Nghĩa của Tám thứ khổ cùng chuyển của ba thọ tùy

sanh.

Do hai thứ tướng nên hiển bày nghĩa Không:

1. Nghĩa của tướng xa lìa tự Tánh của Bồ-đặc-già-la.

2. Nghĩa của tướng xa lìa tự Tánh của các pháp.

Do hai thứ tướng nên hiển bày nghĩa Vô ngã:

1. Nghĩa của tướng vô ngã nơi tự Tánh của Bồ-đặc-già-la thuộc đạo lý thừa Thanh-văn và đạo lý Đại thừa.

2. Nghĩa của tướng vô ngã nơi tự Tánh của các pháp.

Lại có hai thứ giáo là giáo vô thường và giáo vô thủy.

Lại có hai thứ thông đạt:

1. Thông đạt về Giới hữu vi.

2. Thông đạt về Giới vô vi.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên nếu vô thường tức khổ:

1. Do thân nhận: Nghĩa là các hành vô thường đều là thọ thuộc về thô trọng.

2. Do pháp Tánh: Nghĩa là Tánh của pháp khổ như sanh v.v...

3. Do gắn liền: Nghĩa là ba khổ kia luôn gắn liền đeo đuổi.

4. Do nhân: Là nhân của hành tăng trưởng.

5. Do chấp trước: Là sự của đối tượng duyên điên đảo.

Lại nữa, do năm nhân duyên nên nếu khổ tức là vô ngã:

1. Lìa các hành khổ, ngã không thể thủ đắc.

2. Các hành của khổ kia dựa nơi các duyên.

3. Không có tác dụng.

4. Có sát-na sanh luôn tùy chuyển.

5. Lăn lượt cùng dựa vào nhau.

Hỏi: Nếu thuộc về Khổ đế, thì đều là không thể yêu, không thể vui thích là khổ, là tổn não, là trái hại chẳng? Nếu như không thể yêu, không thể vui thích, là khổ, là tổn não, đều là thuộc về Khổ đế chẳng?

- Đáp: Nếu không thể yêu, không thể vui thích, là khổ, là tổn não, là trái hại, nên biết đều là thuộc về Khổ đế.

Hoặc có trường hợp là thuộc về Khổ đế, nhưng không phải là không thể yêu, không thể vui thích, cho đến nói rộng. Nghĩa là trừ các hành thuộc về Khổ khổ, là các hành thuộc về Hành khổ, Hoại khổ còn lại.

Như Đức Phật Thế Tôn dùng tám thứ tướng để phân biệt về Khổ đế, đó là Sanh khổ, Lão khổ, nói rộng cho đến lược chung năm thủ uẩn là khổ. Ở đây, có bao nhiêu tướng hiển bày về Tánh của Khổ khổ. Có mấy tướng hiển bày về Tánh của Hoại khổ. Có bao nhiêu tướng hiển bày về Tánh của Hành khổ?

Đáp:

- Năm tướng trước hiển bày về Tánh của Khổ khổ.

- Hai tướng giữa hiển bày về Tánh của Hoại khổ.
- Một tướng sau là lược chung về năm thủ uẩn là khổ.

Hỏi: Nếu vô thường là khổ chẳng? Nếu như Khổ là vô thường chẳng?

Đáp: Các khổ đều là vô thường. Nhưng có vô thường không phải là khổ, nghĩa là Đạo đế. Vì sao? Vì đạo không phải là thuộc về Khổ thọ, nên không phải là Khổ khổ. Đạo không phải là biến hoại nên đâu có lúc biến đổi sẽ sanh Hoại khổ. Đạo có thể giải thoát tất cả thô trọng của phẩm tạp nhiễm, có thể trái với nẻo tương tục của tất cả sanh, do đó cũng không phải thuộc về Hành khổ.

Hỏi: Nếu vô thường, khổ, đều là không, vô ngã chẳng? Nếu là không, vô ngã, đều là vô thường khổ chẳng?

Đáp: Các thứ vô thường, khổ đều là không, vô ngã. Nhưng có không, vô ngã không phải là vô thường, khổ. Nghĩa là ở trong đây, Khổ Tập đế gồm đủ bốn thứ. Đạo đế có ba, Diệt đế có hai, không phải là vô thường, không phải là khổ.

Hỏi: Nếu vô thường, khổ, đều là vô thường nên là khổ chẳng?

Đáp: Hoặc là vô thường, hoặc là tự Tánh. Nghĩa là Hoại khổ của các hành hiện có nên khổ. Vô thường kia nên là khổ. Hoặc Khổ khổ nên khổ. Hành khổ nên khổ. Tự Tánh kia là Tánh tổn não của khổ, là chỗ thuận theo của khổ.

Hỏi: Nếu là Khổ đế, cũng là Tập đế chẳng? Nếu như là Tập đế thì cũng là Khổ đế chẳng?

Đáp: Các thứ là Tập đế đều là Khổ đế. Hoặc là Khổ đế mà không phải là Tập đế. Nghĩa là hoặc thiện hoặc vô ký hiện có trong sự thanh tịnh tương tục của tất cả A-la-hán. Tất cả các pháp vô ký thuộc về của dị thực hiện có trong thân của tất cả phàm phu, nơi tất cả pháp thế gian. Hết thấy sử dụng của hiện tại đã sanh hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không vui, cùng hành với các hành vô ký, nên biết chỉ là chỗ gồm thâu của Khổ đế.

Hỏi: Nếu chán bỏ hữu sau, có thể trừ bỏ hữu sau, dẫn phát các pháp thế gian của đạo xuất thế gian, thì chúng do nhân duyên nào thuộc về Tập đế?

Đáp: Tuy tự Tánh của chúng chán bỏ hữu sau, nhưng có thể tùy thuận hành diệu nơi thân ngữ ý của hữu sau, thế nên cũng là thuộc về Tập đế.

Hỏi: Nếu tất cả nghiệp phiền não của hữu sau do tướng nên đều là thuộc về Tập đế, thì do đâu Đức Thế Tôn chỉ thiết lập ái?

Đáp: Do ái này có thể khởi thủ, có thể phát dẫn nghiệp, hiện hữu khắp nơi các sự. Ái này lúc sanh có thể phát khởi khắp mười lăm thứ không nghĩa lợi.

Hiện hữu khắp nơi các sự: Nghĩa là như ái này gọi là thuận với ái của hữu sau, hoặc hỷ tham cùng hành với ái. Hoặc ái của các thứ hỷ lạc kia gọi là hiện hữu khắp nơi, các sự nên biết cũng thế.

Ái thuận với hữu sau lại có hai thứ:

1. Duyên nơi cảnh của hữu sau.
2. Làm nhân của hữu sau.

Hỷ tham cùng hành với ái: Nghĩa là đối với cảnh giới hợp ý đã đạt được, hoặc ở trong lúc đang thọ dụng ái hiện có trụ lâu, không lia nhau.

Ái của các thứ hỷ lạc kia: Nghĩa là đối với cảnh giới đã cầu tìm chưa đạt được, hoặc vì hòa hợp, hoặc vì không lia, hoặc vì Tăng ích các ái hiện có.

Hỏi: Nếu là ái, cũng là thuận theo hữu sau, hỷ tham cùng hành, là các thứ hỷ lạc kia chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có khi là ái nhưng không phải là thuận theo hữu sau, không phải là hỷ tham cùng hành, không phải là hỷ tham cùng hành, không phải là các thứ hỷ lạc kia. Nghĩa là đối với giải thoát trên hết, mong cầu muốn chứng đắc.

2. Hoặc có khi là thuận với hữu sau, là hỷ tham cùng hành, là các thứ hỷ lạc kia, nhưng không phải là ái. Nghĩa là ái cùng thuận với hữu sau, với hỷ tham cùng hiện hành, với các thứ hỷ lạc kia, và các phiền não tương ưng khác.

3. Hoặc có khi là ái, cũng là thuận với hữu sau... : Nghĩa là vô minh của thọ, tưởng, tư hiện có.

4. Hoặc có khi không phải là ái, cũng không phải là thuận với hữu sau... : Là từ từng ấy các tướng như trên.

Hỏi: Nếu ái thuận với hữu sau là ái của hỷ tham cùng hành chăng? Nếu là ái của hỷ tham cùng hành cũng là ái thuận với hữu sau chăng?

Đáp: Ái của các hỷ tham cùng hành cũng là ái thuận với hữu sau. Hoặc có ái thuận với hữu sau, không phải là ái của hỷ tham cùng hành. Nghĩa là ái cùng hành với ưu nhiễm ô, hoặc ái biệt ly, hoặc ái không hòa hợp.

Hỏi: Nếu là ái thuận với hữu sau, cũng là ái của các thứ hỷ lạc kia chăng? Nếu là ái của các thứ hỷ lạc kia, cũng là ái thuận với hữu sau

chăng?

Đáp: Nếu là ái của các thứ hỷ lạc kia, cũng là ái thuận với hữu sau. Hoặc có ái thuận với hữu sau không phải là ái của các thứ hỷ lạc kia. Nghĩa là ái duyên nơi cảnh của hữu sau, và ái của hỷ tham cùng hành.

Hỏi: Nếu ái của hỷ tham cùng hành, là ái của các thứ hỷ lạc kia chăng? Nếu là ái của các thứ hỷ lạc kia, cũng là ái của hỷ tham cùng hành chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Nghĩa là đối với cảnh giới khả ái đã đạt được, hoặc ở trong lúc trong thọ dụng ái hiện có, là trường hợp 1.

2. Tức ái hiện có đối với vị lai khả ái sẽ đạt được, nhưng chưa quyết định, là trường hợp 2.

3. Tức ái hiện có ở trong đây sẽ được quyết định, là trường hợp 3.

4. Trừ từng ấy các tướng trên, là trường hợp 4.

Hỏi: Nếu Tạo nên thọ thuộc cõi Dục, cũng Tạo nên thọ thuộc cõi Sắc chăng? Nếu Tạo nên thọ thuộc cõi sắc thì cũng Tạo nên thọ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Hoặc Tạo nên thọ thuộc cõi Dục, không phải thọ thuộc cõi Sắc. Nghĩa là sanh nơi cõi Dục, chưa được sự đối trị của cõi Sắc.

2. Hoặc Tạo nên thọ thuộc cõi Sắc không phải thọ thuộc cõi Dục. Nghĩa là sanh nơi cõi Sắc.

3. Hoặc Tạo nên thọ thuộc cõi Dục cũng Tạo nên thọ thuộc cõi Sắc. Nghĩa là sanh nơi cõi Dục, đã được sự đối trị của cõi Sắc.

4. Hoặc đều không Tạo nên thọ thuộc hai cõi. Nghĩa là sanh nơi cõi Vô sắc.

Lại, sanh trong cõi Dục cõi Sắc cõi Vô sắc, mọi việc làm đã làm xong, trụ nơi đạo xuất thế cùng định Diệt Tận.

Như hệ thuộc nơi cõi Dục đối chiếu với hệ thuộc cõi Sắc nêu ra bốn trường hợp: hệ thuộc cõi Dục đối chiếu với hệ thuộc cõi Vô sắc; hệ thuộc cõi Dục đối chiếu với không hệ thuộc; hệ thuộc cõi Sắc đối chiếu với hệ thuộc cõi Vô sắc; hệ thuộc cõi Sắc đối chiếu với không hệ thuộc; hệ thuộc cõi Vô sắc đối chiếu với không hệ thuộc, theo chỗ ứng hợp đều nên tạo ra bốn trường hợp.

Hỏi: Các dục diệu cũng là lỗi lầm tai họa cùng với dục chăng? Nếu là lỗi lầm tai họa tương ứng với dục cũng là dục diệu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:



1. Hoặc có dục diệu, không phải là lỗi lầm tai họa tương ứng với Dục. Nghĩa là hoặc sắc thanh hương vị xúc có thể hiện hành không nhiễm ô. Hoặc đối với chúng không tạo công sức, trụ nơi an lạc không tội, có thể thấu nhận phạm hạnh.

2. Hoặc có lỗi lầm tai họa tương ứng với dục, không phải là dục diệu. Nghĩa là, hoặc sắc thanh hương vị xúc hoàn toàn không đáng yêu thích, vui mừng, không thể vừa ý, cùng phiền não dục.

3. Hoặc có dục diệu cũng là lỗi lầm tai họa tương ứng với dục. Nghĩa là hoặc sắc thanh hương vị xúc không thể hiện hành không nhiễm ô, hoàn toàn đáng yêu thích, cho đến vừa ý.

4. Hoặc có không phải dục diệu cũng không phải là lỗi lầm tai họa tương ứng với dục. Nghĩa là tất cả phiền não và sự hệ thuộc cõi Sắc cõi Vô sắc.

Đức Thế Tôn dựa nơi dục diệu cùng lỗi lầm tai họa tương ứng với dục, nên nói: Phân biệt sai lạc về tham là dục của sĩ phu.

Lại nữa, ái này lược có hai loại:

1. Ái hữu.

2. Ái thọ dụng. Ái này lại có hai thứ. Nghĩa là đối với xứ sở thọ dụng đã được, chưa được có sai biệt.

Lại, tức Giới (cõi) của ái này có sai biệt, nên lại có ba thứ:

1. Ái cõi Dục.

2. Ái cõi Sắc.

3. Ái cõi Vô sắc.

Nếu sanh nơi cõi Dục, mong cầu hữu sau của cõi Dục, vui mừng đối với sự của chỗ thọ dụng đã đạt được, vui mừng đối với sự của chỗ thọ dụng chưa đạt được, các ái hiện có như thế gọi là ái cõi Dục.

Hoặc sanh nơi cõi Dục, hoặc sanh nơi cõi Sắc đã lìa dục của cõi Dục, mong cầu hữu sau của cõi Sắc, vui mừng đối với đẳng chí của cõi Sắc đã đạt được, vui mừng đối với đẳng chí thắng thượng chưa đạt được, các ái hiện có như thế gọi là ái cõi Sắc.

Như ái cõi Sắc, ái cõi Vô sắc, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng thế. Tức ái của hữu sau ấy, thường kiến, đoạn kiến làm chỗ dựa, nên kiến lập ái hữu và ái không hữu. Thế nên ái này gọi là hiện hữu khắp các sự.

Thế nào là ái này lúc sanh có thể phát khởi khắp mười lăm thứ vô nghĩa? Đó là:

1. Khiến cho tùy miên kiên cố.

2. Do triền nên cấu nhiễm, não loạn tất cả Tâm, Tâm sở.

3. Khiến Tâm nối tiếp nơi cảnh của đối tượng duyên, điên đảo mà chuyển.
4. Phát khởi các phiền não còn lại thuộc về thủ.
5. Có thể an lập sự nối tiếp của tự loại.
6. Có thể tùy thuận sanh khởi pháp ác bất thiện chưa sanh.
7. Có thể tùy thuận pháp ác bất thiện đã sanh khiến chúng Tăng rộng.
8. Có thể làm chướng ngại pháp thiện chưa sanh khiến chúng không được sanh.
9. Có thể gây chướng ngại pháp thiện đã sanh, khiến chúng không được trụ, không quên phản lại sự Tăng trưởng lợi ích rộng lớn.
10. Khiến hành nơi hành ác nên kết chứa Tất cả các khổ của nẻo ác.
11. Mong cầu hữu sau nên kết chứa các khổ như sanh lão bệnh tử.
12. Có thể khiến cho hữu tình sợ hãi về Niết bàn.
13. Có thể khiến cho hữu tình yêu thích sanh tử, chấp giữ sai lạc

về những công đức thắng lợi hiện có.

14. Như đối với sanh tử, đối với cảnh giới cũng vậy.

15. Có thể khiến cho hữu tình cho tư là tự hại, tư là hại kẻ khác nói rộng như nơi kinh, cho đến thọ ái đã sanh ra các ưu khổ của Tâm.

